



巴黎精武会 - 法国精武学院



Wǔ xíng biǎo

Tableau des cinq éléments

五行表

五行	木	水	土	火	金
Wǔ xíng	mù	Shuǐ	tǔ	huǒ	jīn
Cinq éléments	Bois	Eau	Terre	Feu	Métal
五脏	肝	肾	脾	心	肺
Wǔ zàng	gān	shèn	pí	xīn	fèi
Cinq viscères	Foie	Rein	Rate	Cœur	Poumon
情志	怒	恐	思	喜	悲
Qíng zhì	nù	kǒng	sī	xǐ	bēi
Cinq émotions	Colère	Peur	Réflexion	Joie	Tristesse
五方	東	北	中	南	西
Wǔ fāng	dōng	běi	zhōng	nán	xī
Cinq directions	Est	Nord	Centre	Sud	Ouest
五季	春	冬	长夏	夏	秋
Wǔ jì	chūn	dōng	cháng xià	xià	qiū
Cinq saisons	Printemps	Hiver	Été indien	Été	Automne
顏色	绿	黑	黄	红	白
Yán sè	lǜ	hēi	huáng	hóng	bái
Cinq couleurs	Vert	Noir	Jaune	Rouge	Blanc
味道	酸	咸	甜	苦	辣
Wèi dào	suān	xián	tián	kǔ	là
Cinq saveurs	Acide	Salé	doux	Amer	Piquant
五官	目	耳	口	舌	鼻
Wǔ guān	mù	ěr	kǒu	shé	bí
Cinq orifices	Yeux	Oreilles	bouche	Langue	Nez
形体	筋	骨	肉	血	皮毛
Xíng tǐ	jīn	gǔ	ròu	xiě	pí / máo
Tissus organiques	tendons	Os/moelle	chair	vaisseaux	Peau/poils
五指	食指	小指	拇指	中指	无名指
Wǔ zhǐ	shí zhǐ	xiǎo zhǐ	mǔ zhǐ	zhōng zhǐ	wú míng zhǐ
Cinq doigts	index	auriculaire	pouce	majeur	annulaire
五气	風	寒	湿	暑	旱
Wǔ qì	fēng	hán	shī	shǔ	hàn
Cinq climats	vent	froid	humidité	chaleur	Sècheresse